

Số: 161/CV-VASEP
V/v Góp ý Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều Luật CLSPHH, Luật CLSPHH sửa đổi và nhãn hàng hóa

Tp Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 09 năm 2025

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ
Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
Đồng kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Bộ Công Thương
Bộ Tư pháp
Hội đồng Tư vấn Cải cách thủ tục hành chính

Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) nhận được đề nghị góp ý cho Dự thảo Nghị định Quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (CLSPHH) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CLSPHH và quy định về nhãn hàng hóa (sau đây gọi tắt là Dự thảo) của Quý Bộ tại trang web của Chính phủ (<https://chinhphu.vn/du-thao-vbqppl>) và tại Hội thảo lấy ý kiến góp ý cho Dự thảo tổ chức tại Hà Nội ngày 12/9/2025. Nhận thấy Dự thảo vẫn còn một số nội dung quy định chưa phù hợp, gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và XNK của các DN, sau khi xem xét Dự thảo, Hiệp hội xin có ý kiến như sau:

Dự thảo đã có nhiều nội dung tiên bộ, phù hợp với Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới và Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới như: đưa ra nguyên tắc kiểm tra, giám sát chất lượng hàng hóa dựa trên mức độ rủi ro của hàng hóa, chuyển từ phân loại sản phẩm, hàng hóa theo phân nhóm hành chính (nhóm 1, nhóm 2) sang phân loại sản phẩm, hàng hóa theo ba mức độ rủi ro (thấp, trung bình, cao), quản lý chất lượng hàng hóa kinh doanh trên nền tảng số, đảm bảo một sản phẩm, hàng hóa chỉ giao cho một Bộ chuyên ngành, quản lý,....

Tuy nhiên, một số nội dung trong Dự thảo vẫn còn chưa đảm bảo tính khả thi trong thực tiễn, chưa phù hợp với thông lệ quốc tế, tạo ra các rào cản không đáng có, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của DN, cụ thể là:

1. Về nguyên tắc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa phục vụ cho XK:

❖ Vấn đề:

Nhiều thủ tục áp dụng cho hàng trong nước theo quy định hiện hành theo Dự thảo lại đang được mở rộng áp dụng cho cả hàng hóa XK (như quy định về mã số, mã vạch (MSMV), hộ chiếu số, kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm trong SX, ...). Điều này

đang trái với Luật CLSPHH của Việt Nam, trái với thông lệ quốc tế cũng như không phù hợp với thực tiễn hoạt động của DN:

- a. **Về quy định của Việt Nam:** điều này trái với tinh thần của Luật CLSPHH, thể hiện tại Điều 32 và Điều 45 của Luật CLSPHH 2007 được sửa đổi tại Khoản 18 và 20 Điều 1 của Luật CLSPHH sửa đổi (2025), theo đó đã quy định rõ ***hàng XK phải tuân thủ quy định của nước NK, không thuộc đối tượng kiểm tra chất lượng, nhãn hàng hóa trong nước***, trừ trường hợp theo yêu cầu của nước NK hoặc điều ước quốc tế. Việc yêu cầu hàng XK phải áp dụng thêm cả các quy định cho hàng hóa tiêu thụ trong nước sẽ tạo ra gánh nặng kép, làm giảm năng lực cạnh tranh của sản phẩm XK và đi ngược lại thông lệ quốc tế.
 - b. **Về thông lệ quốc tế:** Hầu hết các quốc gia trên thế giới, kể cả những nước tiên tiến như EU, Mỹ, Hàn Quốc, Úc, Nhật Bản,... đều không yêu cầu hàng hóa XK phải tuân theo quy định của hàng hóa tiêu thụ trong nước mà tuân theo quy định của nước NK. Việc bắt buộc hàng XK phải áp dụng song song cả quy định cho hàng tiêu thụ trong nước lẫn quy định của nước NK trong các lĩnh vực nêu trên như trong Dự thảo là tự tạo rào cản cho DN XK và đi ngược lại các nỗ lực xúc tiến thương mại của Việt Nam.
 - c. **Về thực tiễn sản xuất, kinh doanh:** Để thực hiện một thủ tục trên DN có thể phải mất đến 3 – 4 tháng. Nếu DN phải thực hiện tất cả các thủ tục như trong dự thảo quy định thì sẽ không kịp đơn hàng, giảm khả năng cạnh tranh so với các nước trong khu vực, đồng thời tăng thủ tục hành chính (TTHC), tăng gánh nặng chi phí không cần thiết cho hàng hóa XK:
- ❖ **Kiến nghị:** Quy định rõ hàng XK chỉ phải tuân thủ các quy định của nước NK như đã nêu tại Điều 32 và Điều 45 của Luật CLSPHH được sửa đổi tại Khoản 18 và 20 Điều 1 của Luật CLSPHH sửa đổi.

2. Về phân loại danh mục sản phẩm theo mức độ rủi ro

❖ Vấn đề:

Danh mục hàng hóa nhóm 2 của Việt Nam hiện đang ***quá rộng***, bao gồm ***hàng trăm mặt hàng, chưa phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tiễn quản lý của Việt Nam***. Dự thảo đã có thay đổi tích cực khi đã định hướng để chuyển từ phân loại sản phẩm, hàng hóa theo phân nhóm hành chính (nhóm 1, nhóm 2) sang phân loại sản phẩm, hàng hóa theo ba mức độ rủi ro (thấp, trung bình, cao). Tuy nhiên, các nội dung quy định cụ thể về ***phân loại danh mục sản phẩm theo mức độ rủi ro*** còn chưa hoàn toàn phù hợp, thể hiện ở:

- a. **Về quy định của Việt Nam và thông lệ quốc tế:** Các nguyên tắc và tiêu chí phân loại mức độ rủi ro của hàng hóa (điều 4 và 5 của Dự thảo) chưa có hoặc chưa rõ ràng, không phù hợp với TCVN ISO/IEC 31010, dễ dẫn đến nguy cơ phân loại sai nhiều nhóm sản phẩm khiến áp dụng biện pháp quản lý chất lượng chưa hợp lý.
- b. **Về tác động hoạt động SXKD:** Dự thảo đang giao cho các Bộ quản lý chuyên ngành ***tự xác định và ban hành danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình và rủi ro cao***. Việc Dự thảo chưa nêu rõ các nguyên tắc và tiêu chí phân loại mức độ rủi ro có thể dẫn đến việc các Bộ ban hành các danh mục không

đồng nhất giữa các ngành hàng tương tự, lạm dụng để mở rộng các danh mục này một cách không cần thiết, gây khó khăn và tạo ra rào cản cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của DN.

- ❖ **Kiến nghị:** Cần quy định rõ trong Dự thảo các tiêu chí phân loại rủi ro cụ thể, phù hợp với tiêu chuẩn ISO/IEC 31010 làm căn cứ để các Bộ quản lý chuyên ngành ban hành danh mục sản phẩm rủi ro cao/rủi ro trung bình.

3. Về phát sinh các TTHC mới

❖ Vấn đề:

Nhiều quy định mới về truy xuất nguồn gốc (đăng ký MSMV, mã truy vết, hộ chiếu số), quy định về ghi nhãn, công bố hợp quy, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong nhiều trường hợp là ***bất khả thi, không phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế, làm phát sinh thêm các TTHC mới cho DN***, làm tăng chi phí, thời gian thực thi cho DN trong khi chưa chứng minh được tính cần thiết bắt buộc, hể hiện ở:

a. Về cơ sở pháp lý

- Dự thảo đang thêm 4 TTHC mới về truy xuất nguồn gốc: mã truy vết sản phẩm, mã truy vết địa điểm, hộ chiếu số, đăng ký MSMV. Luật CLSPHH và Luật CLSPHH sửa đổi chỉ quy định bắt buộc truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm nguy cơ cao, không bắt buộc phải dùng công cụ nào trong khi Dự thảo quy định áp dụng chung cho tất cả các sản phẩm là chưa phù hợp. Luật CLSPHH và Luật CLSPHH sửa đổi cũng không giao Chính phủ hướng dẫn các nội dung về đăng ký MSMV, hộ chiếu số, mã truy vết.
- Các quy định về kiểm tra chất lượng hàng hóa chưa phù hợp với quản lý rủi ro, với nhiều quy định mới, không có trong Luật CLSPHH và Luật CLSPHH sửa đổi, như tăng gấp đôi hồ sơ THCH với hàng hóa NK nguy cơ cao, 2 năm phải làm lại thủ tục công bố hợp quy với hàng hóa có nguy cơ trung bình, hàng có lịch sử tuân thủ tốt muốn được miễn giảm kiểm tra phải làm đơn xin, tạo ra cơ chế xin-cho,...
- Các quy định của Dự thảo đang làm phát sinh thêm TTHCH, đi ngược lại tinh thần của Nghị quyết 76/NQ-CP và 68-NQ/TW về cắt giảm ít nhất 30% TTHC.

b. Thông lệ quốc tế:

- Thế giới chỉ yêu cầu bảo đảm truy xuất nguồn gốc, không quy định bắt buộc phải áp dụng công cụ cụ thể nào. MSMV, hộ chiếu số, mã truy vết chỉ là các phương tiện được thế giới khuyến khích áp dụng. Về hộ chiếu số, EU cũng chỉ đang dự kiến áp dụng cho một số nhóm sản phẩm. Các nước tiên tiến khác (Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Úc) đều không áp dụng hộ chiếu số.
- Các quốc gia trên thế giới không có các yêu cầu về khai báo đơn vị kinh doanh sản phẩm trên hồ sơ sản phẩm (chỉ yêu cầu khai báo đơn vị sản xuất hoặc nhà phân phối chính của sản phẩm) cũng như yêu cầu về khai báo nguồn gốc của từng thành phần trong sản phẩm và tỷ trọng của các thành phần đó trên nhãn sản phẩm.

c. Về thực tiễn:

- Mã truy vết sản phẩm, mã truy vết địa điểm, hộ chiếu số, đăng ký MSMV chỉ là các công cụ phục vụ việc truy xuất nguồn gốc của DN, cần để DN có quyền lựa chọn công cụ phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của DN cũng như bản chất, đặc tính của sản phẩm.
- Các quy định về nhãn hàng hóa hiện hành đã tương đối hoàn thiện lại sửa đổi với một số yêu cầu bất khả thi trong Dự thảo tại nhiều trường hợp như yêu cầu ghi nguồn gốc, xuất xứ của từng nguyên liệu, linh kiện trên bao bì và tỷ trọng của từng hạng mục.
- Quy định về đăng ký nhãn điện tử gây phát sinh thêm 1 TTHC mới, gây tốn kém cho DN và không có ý nghĩa thực tiễn.

❖ **Kiến nghị:**

- **Chỉ khuyến khích, thay vì bắt buộc** các đơn vị sản xuất-kinh doanh áp dụng các công cụ để truy xuất nguồn gốc hàng hóa, cho phép DN tự chọn công cụ truy xuất nguồn gốc phù hợp, để đáp ứng đúng theo quy định trong Luật CLSPHH và Luật CLSPHH sửa đổi, đáp ứng thông lệ quốc tế và thực tiễn.
- **Hạn chế tối đa các quy định mới về ghi nhãn**, chỉ trừ những vấn đề thực sự quan trọng hoặc để tháo gỡ các điểm nghẽn đang có, không đưa ra những quy định mới không phù hợp về nhãn hàng hóa gây khó khăn cho sản xuất-kinh doanh.
- Chỉ yêu cầu **công bố hợp quy 1 lần** đối với hàng có mức độ rủi ro trung bình và quy định rõ, cụ thể hơn về **tiêu chí để áp dụng quản lý rủi ro trong kiểm tra nhà nước** theo 3 cấp độ kiểm tra (chặt, thường và giảm) theo 3 mức độ rủi ro (cao, trung bình, thấp) nhằm quản lý chất lượng hiệu quả hơn và cắt giảm được TTHC.

Các góp ý cụ thể cho các nội dung của Dự thảo xin vui lòng xem tại Phụ lục gắn kèm

Hiệp hội trân trọng đề nghị Quý Bộ và Quý Ủy ban xem xét các ý kiến góp ý nêu trên để chỉnh sửa, hoàn thiện Dự thảo Nghị định theo hướng phù hợp với thực tiễn, hài hòa với thông lệ quốc tế, tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của DN và người dân.

Trân trọng cảm ơn và kính chào ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VCCI;
- Ban Thường vụ HH;
- BCH và BKT HH;
- VPĐD HH tại Hà Nội;
- Lưu VP HH.

**TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI
TỔNG THƯ KÝ**



Nguyễn Hoài Nam

PHỤ LỤC

BẢN TỔNG HỢP GÓP Ý CHI TIẾT CHO DỰ THẢO 4 NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU LUẬT CLSPHH VÀ LUẬT CLSPHH SỬA ĐỔI VÀ QUY ĐỊNH VỀ NHÃN HÀNG HÓA

(Kèm theo Công văn số 161/CV-VASEP ngày 19/09/2025)

Stt	Điều khoản của Dự thảo	Đề xuất sửa đổi	Lý do
1	Khoản 3 Điều 4 “Xác định sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao” <i>“3. Bộ quản lý ngành, lĩnh vực thống nhất với Bộ Khoa học và Công nghệ trước khi ban hành danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao”</i>	Đề nghị sửa đổi như sau: <i>“3. Bộ quản lý ngành, lĩnh vực thống nhất với Bộ Khoa học và Công nghệ trước khi ban hành danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao <u>theo nguyên tắc: hàng hóa rủi ro thấp chiếm phần lớn, rủi ro trung bình ít hơn, và rủi ro cao ít nhất</u>”</i>	Để tránh việc lạm dụng phân loại rất nhiều sản phẩm vào nhóm rủi ro cao (như thực tiễn trước đây cho thấy), đề nghị bổ sung vào Khoản 3 Điều 4 cụm từ <i>“theo nguyên tắc: hàng hóa rủi ro thấp chiếm phần lớn, rủi ro trung bình ít hơn, và rủi ro cao ít nhất”</i>
2	Điểm b Khoản 2 Điều 4 “Xác định sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao” <i>“b) Báo cáo đánh giá rủi ro theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 31010 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 31010, bao gồm:</i> <i>- Mô tả sản phẩm và phạm vi sử dụng;</i> <i>- Phân tích nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe, môi trường;</i> <i>- Đánh giá khả năng kiểm soát rủi ro trong chuỗi cung ứng;</i> <i>- Thông tin cảnh báo từ cơ quan có thẩm quyền và tổ chức quốc tế;</i> <i>- Phân loại mức độ rủi ro và kiến nghị biện</i>	Đề nghị sửa đổi như sau: <i>“b) Báo cáo đánh giá rủi ro (mức độ rủi ro = hệ quả x xác suất xảy ra) theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 31010 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 31010, bao gồm:</i> <i>- Phân tích và đánh giá hệ quả về ảnh hưởng có hại có thể xảy ra trong điều kiện sử dụng bình thường:</i> <i>+ Nguy cơ ảnh hưởng có hại đến sức khỏe</i> <i>+ Nguy cơ ảnh hưởng có hại đến môi trường</i> <i>+ Nguy cơ ảnh hưởng có hại đến an ninh quốc gia</i> <i>- Phân tích và đánh giá khả năng kiểm soát rủi ro trong chuỗi cung ứng: nguy cơ sản phẩm bị</i>	<i>- Các tiêu chí nêu ra chưa rõ ràng, và chưa phù hợp với TCVN ISO/IEC 31010. Cần có quy định rõ ràng, cụ thể nguyên tắc và các tiêu chí phân loại hàng hóa theo 3 mức độ rủi ro.</i> <i>- Dự thảo chưa nói rõ “Đánh giá rủi ro theo TCVN ISO/IEC 31010 là căn cứ theo hệ quả x xác suất xảy ra.”</i>

Stt	Điều khoản của Dự thảo	Đề xuất sửa đổi	Lý do
	<i>pháp quản lý.”</i>	<i>biến chất, nhiễm bẩn, làm giả trong quá trình vận chuyển, bảo quản, phân phối; hoặc bị lạm dụng cho các mục đích khác gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, môi trường hoặc an ninh quốc gia</i> <i>- Xác suất xảy ra các hệ quả đó (dựa theo: Dữ liệu về sự cố, thu hồi, vi phạm chất lượng tại Việt Nam hoặc quốc tế; kết quả thanh tra, kiểm tra trong và ngoài nước; Thông tin cảnh báo từ cơ quan có thẩm quyền và tổ chức quốc tế; hoặc phân tích từ các tài liệu khoa học)”</i>	
3	Chương III Mục 2 “Ứng dụng MSMV trong quản lý chất lượng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa” “Điều 24. Nguyên tắc thực hiện truy xuất nguồn gốc: <i>1. Sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao, việc truy xuất nguồn gốc là bắt buộc theo quy định tại Nghị định này.”</i>	Đề nghị đưa nội dung Điều 24 từ Chương III Mục 2 “Ứng dụng MSMV trong quản lý chất lượng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa” lên Chương I “Quy định chung” và sửa đổi lại như sau: <i>1. Sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao, việc truy xuất nguồn gốc là bắt buộc theo quy định tại Nghị định này nhưng tổ chức, cá nhân được quyền tự lựa chọn công cụ để thực hiện truy xuất nguồn gốc phù hợp với điều kiện của tổ chức, cá nhân và đặc thù của sản phẩm, hàng hóa”</i>	Việc đề Điều 24 trong Mục 2 “ Ứng dụng MSMV trong quản lý chất lượng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa ” được hiểu là sản phẩm, hàng hóa có độ rủi ro cao bắt buộc phải được truy xuất nguồn gốc bằng ứng dụng MSMV. Trong khi thực chất Điều 24 là về nguyên tắc thực hiện truy xuất nguồn gốc thì nên để ở Chương về Quy định chung. MSMV, hộ chiếu số, mã truy vết sản phẩm, mã truy vết địa điểm chỉ là các công cụ để truy xuất nguồn gốc, cung cấp thông tin cho khách hàng, do đó không nên bắt buộc áp dụng, chỉ khuyến khích DN sử dụng để tránh phát sinh TTHC (TTHC). DN có quyền lựa chọn công cụ phù hợp với điều kiện của DN và đặc thù của sản phẩm để thực hiện truy xuất nguồn gốc.
4	Khoản 1 Điều 25. “Quản lý việc sử dụng mã truy vết sản phẩm, mã truy vết địa điểm và vật mang dữ liệu” <i>“1. Tổ chức, cá nhân thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa sử dụng mã truy vết</i>	Đề nghị sửa đổi như sau: <i>“1. Khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng mã truy vết sản phẩm, mã truy vết địa điểm để thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa. Tổ chức, cá nhân thực hiện truy xuất nguồn</i>	Luật CLSPHH và Luật CLSPHH sửa đổi không quy định nội dung này. Quy định chưa rõ ràng như trong Dự thảo có thể hiểu là tổ chức cá nhân phải áp dụng mã truy vết để thực hiện truy xuất nguồn gốc cho tất cả các loại sản phẩm.

Stt	Điều khoản của Dự thảo	Đề xuất sửa đổi	Lý do
	<i>sản phẩm, mã truy vết địa điểm bảo đảm phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13274 Truy xuất nguồn gốc - Hướng dẫn định dạng các mã dùng trong truy vết do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố trước khi đưa vào sử dụng.”</i>	<i>gốc sản phẩm, hàng hóa sử dụng mã truy vết sản phẩm, mã truy vết địa điểm bảo đảm phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13274 Truy xuất nguồn gốc - Hướng dẫn định dạng các mã dùng trong truy vết do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố trước khi đưa vào sử dụng.”</i>	
5	Khoản 2, 3 Điều 26. “<u>Quy định hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu</u>” “2. Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân bảo đảm đầy đủ quá trình truy xuất nguồn gốc theo các quy định trong tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn cơ sở đáp ứng quy định theo pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và được công bố phù hợp theo quy định của pháp luật. 3. Dữ liệu tối thiểu của mỗi mã truy xuất nguồn gốc bao gồm: a) Tên sản phẩm, hàng hóa; b) Hình ảnh sản phẩm, hàng hóa; c) Tên đơn vị sản xuất, <u>kinh doanh</u>; d) Địa chỉ đơn vị sản xuất, <u>kinh doanh</u> đ) Xuất xứ sản phẩm, hàng hoá; e) Các công đoạn trong sản xuất, kinh doanh (bao gồm tối thiểu thông tin: mã truy vết sản phẩm, mã truy vết địa điểm, tên công đoạn và <u>thời gian sự kiện truy xuất nguồn gốc của từng công đoạn</u>); ... ”	Đề nghị bỏ Khoản 3 và sửa lại Khoản 2 như sau: “2. Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân bảo đảm đầy đủ quá trình truy xuất nguồn gốc theo quy định của các bộ chuyên ngành. Nếu không có quy định của các bộ chuyên ngành thì thực hiện theo tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn cơ sở đáp ứng quy định theo pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và được công bố phù hợp theo quy định của pháp luật”	- Hiện nay việc áp dụng truy xuất nguồn gốc đã có các quy định tại các thông tư hướng dẫn của các bộ chuyên ngành. - Nội dung dữ liệu cần thiết để truy xuất nguồn gốc đã được quy định trong quy định của các bộ chuyên ngành. Các quy định trong mục 3 đang nhiều hơn mức cần thiết và có nhiều nội dung không khả thi, ví dụ như mỗi sản phẩm có thể có rất nhiều Đơn vị kinh doanh (có thể lên tới hàng ngàn, hàng vạn đơn vị cùng kinh doanh một sản phẩm của một DN), DN không thể biết hết được các đơn vị nào kinh doanh sản phẩm của mình và địa chỉ của các đơn vị này nên không thể khai báo được. - Như đã nói ở trên, việc sử dụng mã truy vết sản phẩm, mã truy vết địa điểm chỉ là công cụ và chỉ nên được khuyến khích áp dụng, việc áp đặt phải sử dụng 2 loại mã này trong từng công đoạn sản xuất như quy định tại Khoản 3 là không phù hợp. - Cụm từ “thời gian sự kiện truy xuất nguồn gốc của từng công đoạn” là còn khó hiểu và khó thực hiện.

Stt	Điều khoản của Dự thảo	Đề xuất sửa đổi	Lý do
6	Điều 31. Trách nhiệm của tổ chức sử dụng MSMV <i>“2. Đối với tổ chức hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam sử dụng mã nước ngoài theo tiêu chuẩn của tổ chức MSMV quốc tế GSI, tổ chức, cá nhân thực hiện <u>khai báo, cập nhật, cung cấp thông tin</u> và phải được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc được chủ sở hữu của mã nước ngoài uỷ quyền sử dụng;”</i>	Đề nghị làm rõ “ <i>khai báo, cập nhật, cung cấp thông tin</i> ” với cơ quan nào, như thế nào, để không tạo thành TTHC mới	
7	Khoản 4 Điều 35. Hộ chiếu số của sản phẩm và nhãn điện tử hàng hóa <i>“4. Việc áp dụng hộ chiếu số của sản phẩm được thực hiện theo lộ trình phù hợp, ưu tiên trước đối với:</i> <i>a) Các nhóm hàng hóa chủ lực của Việt Nam (<u>đặc biệt là nông sản, thủy sản, sản phẩm điện - điện tử</u>) thuộc diện sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao và phục vụ XK;</i> <i>b) Các hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN);”</i>	Đề nghị chỉ khuyến khích áp dụng, không bắt buộc áp dụng	- Đây sẽ là 1 TTHC mới, áp dụng cho hàng XK trong khi các nước NK lớn trên thế giới cũng chưa yêu cầu áp dụng bắt buộc hộ chiếu số (EU, Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc). Trong khi đó, hàng XK chỉ cần tuân theo quy định của nước NK, không phải áp dụng theo quy định cho hàng tiêu thụ trong nước. - Nhiều sản phẩm có QCKT nhưng chỉ là sản phẩm rủi ro thấp (ví dụ ngô để làm thức ăn chăn nuôi) nhưng theo quy định này vẫn phải làm hộ chiếu số bắt buộc.
8	Chương IV Ghi nhãn hàng hóa Điều 38. Phạm vi áp dụng, loại trừ: <i>“2. Những loại hàng hóa sau đây không thuộc trường hợp phải ghi nhãn hàng hóa:”</i>	Đề nghị bổ sung thêm đối tượng “ <i>Nguyên vật liệu NK để chế biến XK, gia công XK hoặc sử dụng trong nội bộ của cơ sở, không đưa đi tiêu thụ trong nước</i> ” vào danh mục được miễn ghi nhãn hàng hóa.	Vì các đối tượng này không đưa ra thị trường cho tiêu thụ trong nước nên cần được miễn trừ các quy định về ghi nhãn
9	Khoản 1 Điều 39. “Vị trí nhãn hàng hóa” <i>“1. Nhãn hàng hóa phải được thể hiện trên hàng hóa, bao bì của hàng hóa ở vị trí khi quan</i>	Đề nghị sửa đổi như sau:	Yêu cầu về ghi nhãn hàng hóa chỉ cần áp dụng cho bao bì thương phẩm chứ không phải áp dụng cho các loại bao bì khác (ví dụ như bao bì để vận chuyển,
	<i>“1. Nhãn hàng hóa phải được thể hiện trên hàng hóa, <u>bao bì thương phẩm</u> ở vị trí khi quan sát có</i>		

Stt	Điều khoản của Dự thảo	Đề xuất sửa đổi	Lý do
	<i>sát có thể nhận biết được dễ dàng, đầy đủ các nội dung quy định của nhãn mà không phải tháo rời các chi tiết, các phần của hàng hóa”</i>	<i>thể nhận biết được dễ dàng, đầy đủ các nội dung quy định của nhãn mà không phải tháo rời các chi tiết, các phần của hàng hóa”</i>	bảo quản,...).
10	Mục c Khoản 2 Điều 45. Nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa <i>“- Trường hợp trên nhãn gốc hàng hóa chưa thể hiện tên đầy đủ và địa chỉ của tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa ở nước ngoài thì các nội dung này phải thể hiện đầy đủ trong tài liệu kèm theo hàng hóa;”</i>	Đề nghị sửa đổi như sau: <i>“Trường hợp trên nhãn gốc hàng hóa chưa thể hiện tên đầy đủ và địa chỉ của tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa ở nước ngoài thì các nội dung này phải thể hiện đầy đủ trong tài liệu kèm theo hàng hóa hoặc chứng từ lô hàng”</i>	Một số thông tin liên quan không nằm trong tài liệu kèm theo lô hàng. Thực tế khi NK, chứng từ của lô hàng (có đầy đủ các thông tin này) được gửi riêng theo đường bưu phẩm chứ không kèm theo hàng hóa, nên nhiều trường hợp Hải quan không chấp nhận thông quan vì lý do này.
11	Mục 3 Điều 50. “Xuất xứ hàng hóa” <i>“3. Đối với các sản phẩm chỉ thực hiện khâu lắp ráp, đóng chai, phối trộn, hoàn tất, đóng gói, dán nhãn tại Việt Nam, bắt buộc phải ghi rõ nguồn gốc, xuất xứ của nguyên liệu, linh kiện trên bao bì. Trường hợp một nguyên liệu, linh kiện được NK từ nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ phải liệt kê thứ tự các quốc gia, vùng lãnh thổ NK theo tỷ trọng tương ứng. Thông tin này có thể được ghi bằng nhãn điện tử.”</i>	Đề nghị bỏ quy định này	Việc yêu cầu ghi rõ nguồn gốc, xuất xứ của nguyên liệu, linh kiện trên bao bì và tỷ trọng là bất khả thi trong nhiều trường hợp và không phù hợp với thông lệ quốc tế do: - Sản phẩm thủy sản có thể gồm hàng chục nguyên liệu từ nhiều nước khác nhau. Nhiều sản phẩm có tới hàng trăm nguyên liệu/ linh kiện/ thành phần (máy tính, máy in, máy photocopy, ô tô, xe máy, ...). - Nếu liệt kê rõ thành phần, tỷ trọng của từng thành phần trong sản phẩm thì các cơ sở sản xuất sẽ bị mất bí mật kinh doanh (công thức tạo nên sản phẩm đó, nguồn nguyên liệu bí mật để tạo thành sản phẩm, ...) dẫn đến cơ sở mất lợi thế cạnh tranh, bị đối tác phạt tiền, bị phá sản,...
12	Khoản 2 Điều 55. “Nguyên tắc ghi nhãn điện tử” <i>“2. Nhãn điện tử phải được <u>đăng ký</u> trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về ghi nhãn điện tử theo</i>	Đề nghị sửa đổi như sau: <i>“2. Nhãn điện tử phải được <u>tự công bố</u> trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về ghi nhãn điện tử theo quy định tại Điều 57 Nghị định này.”</i>	Đăng ký nhãn điện tử là một TTHC mới và tạo cơ chế xin-cho

Stt	Điều khoản của Dự thảo	Đề xuất sửa đổi	Lý do
	<i>quy định tại Điều 57 Nghị định này.”</i>		
13	Điều 69. Bảo đảm chất lượng sản phẩm trong sản xuất trước khi đưa ra thị trường	Đề nghị sửa đổi như sau: “Bảo đảm chất lượng sản phẩm trong sản xuất trước khi đưa ra thị trường <u>trong nước</u>”	Hàng XK cần tuân theo quy định của nước NK, không phải áp dụng theo quy định cho hàng tiêu thụ trong nước
14	Khoản 3 Điều 69 Bảo đảm chất lượng sản phẩm trong sản xuất trước khi đưa ra thị trường <i>“3. Trường hợp sản phẩm có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao <u>có đặc tính mới tiềm ẩn rủi ro mất an toàn</u> trong điều kiện vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng hợp lý và đúng mục đích mà đặc tính mới này chưa được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng hoặc sản phẩm lần đầu tiên xuất hiện tại Việt Nam tiềm ẩn rủi ro mất an toàn thì tổ chức, cá nhân sản xuất có trách nhiệm chứng minh sản phẩm đó an toàn cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường theo quy định của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực. Sản phẩm loại này chỉ được đưa ra lưu thông trên thị trường sau khi được Bộ quản lý ngành, lĩnh vực cho phép”</i>	Đề nghị bỏ hoặc làm rõ đặc tính mới như thế nào thì được coi là tiềm ẩn rủi ro, mất an toàn	Quy định chung chung, khó áp dụng
15	Điều 71. Bảo đảm chất lượng hàng hoá XK trước khi XK	Đề nghị bỏ	Quy định này đã được nêu rõ tại Điều 32 của Luật CLSPHH 2027 sửa đổi bởi khoản 18 Điều 1 Luật CLSPHH sửa đổi 2025 rồi, dự thảo không làm rõ hay hướng dẫn cụ thể hơn điểm gì.
16	Điều 81. Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm trong sản xuất	Đề nghị sửa đổi như sau: “Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm trong sản xuất <u>để tiêu thụ trong nước</u>”	Hàng XK cần tuân theo quy định của nước NK, không phải áp dụng theo quy định cho hàng tiêu thụ trong nước.

Stt	Điều khoản của Dự thảo	Đề xuất sửa đổi	Lý do
17	Quy định về kiểm tra Dấu hợp chuẩn, hợp quy: điều 81, mục 3b (sản phẩm trong sản xuất); điều 84 mục 2c, điều 85 mục 1 (sản phẩm NK), điều 91 (hàng lưu thông trên thị trường), mẫu số 3	Đề nghị bỏ yêu cầu bắt buộc, thay bằng khuyến khích in dấu hợp chuẩn, hợp quy trên nhãn	- Dấu hợp chuẩn, hợp quy không có hiệu quả trong thực tiễn, vì kết quả hợp chuẩn, hợp quy chỉ có giá trị cho trên sản phẩm thử nghiệm, chứ không có giá trị cho mọi lô sản phẩm. - Việc in/dán dấu hợp chuẩn hợp quy rất tốn kém cho hàng NK. Hàng NK từ nhiều nước tiên tiến (EU, Mỹ, Canada, Úc,...) đã đạt các tiêu chuẩn rất tiên tiến, nhưng vẫn phải dán nhãn hợp chuẩn, hợp quy của Việt Nam với nhiều tiêu chuẩn thấp hơn. - Người tiêu dùng hầu như không quan tâm đến dấu hợp chuẩn hợp quy của VN trên nhãn, mà quan tâm đến sản phẩm có hợp pháp, có uy tín không, có các chứng nhận tiên tiến của thế giới không? - Thế giới hầu hết không yêu cầu dấu hợp quy như Mỹ không bắt buộc ghi nhãn dấu hợp quy, EU có yêu cầu dấu CE nhưng chỉ cho một số nhóm hàng, và dấu này có giá trị cho cả khối 27 nước, chứ không có giá trị chỉ cho 1 nước như dấu hợp quy của VN
18	Điều 84. “Trình tự, thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa NK”	Đề nghị sửa đổi như sau: “Trình tự, thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa NK để tiêu thụ trong nước”	Nguyên vật liệu NK để chế biến XK, gia công XK hoặc sử dụng trong nội bộ của cơ sở, không đưa đi tiêu thụ trong nước thì nên do cơ sở tự chịu trách nhiệm
19	Khoản 2 Điều 84. “Trình tự, thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa NK” <i>2. Đối với hàng hóa thuộc danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao NK, tổ chức, cá nhân NK phải thực hiện:</i> <i>a) Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng</i>	- Đề nghị giữ nguyên quy định hiện hành (điều 35 Luật CLSPHH), theo đó Hồ sơ gồm bản đăng ký kiểm tra chất lượng, bản sao chứng chỉ chất lượng có chứng thực, tài liệu kỹ thuật khác liên quan, bản sao hợp đồng mua bán và danh mục hàng hóa kèm theo hợp đồng	- Yêu cầu hồ sơ gồm 10 mục so với hiện hành chỉ có 5 mục, tức tăng tới 200% về TTHC. - Quy định này không phù hợp với Điều 35 của Luật CLSPHH - Kiểm tra về chất lượng thì chỉ nên tập trung vào chất lượng, không phải kiểm tra các giấy tờ hành

Stt	Điều khoản của Dự thảo	Đề xuất sửa đổi	Lý do
	hóa NK ...: Hồ sơ gồm: chứng chỉ chất lượng của tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định; hợp đồng; danh mục hàng hóa; vận đơn; hóa đơn; tờ khai hàng hóa NK; giấy chứng nhận xuất xứ (nếu có); ảnh hoặc bản mô tả đặc tính của hàng hóa kèm các nội dung nhãn chính của hàng hóa và mẫu nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định), chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có).... c) ... + Kiểm tra các nội dung ghi trên nhãn (Mẫu nhãn phụ nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định); sự phù hợp của mẫu nhãn với bộ hồ sơ NK lô hàng”	- Đề nghị bỏ quy định về kiểm tra mẫu nhãn phụ	chính như nhãn, FSC vì đây là nhiệm vụ của Hải quan. - Nhãn phụ sau khi NK, trước khi đưa ra thị trường nội địa để tiêu thụ thì cơ sở mới dán nên không thể đáp ứng yêu cầu này
20	Điều 86. Miễn, giảm kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất có mức độ rủi ro trung bình và mức độ rủi ro cao “3. Trình tự, thủ tục áp dụng miễn, giảm kiểm tra a) <u>Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị miễn, giảm kiểm tra đến cơ quan kiểm tra chất lượng</u> gồm: b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, <u>cơ quan kiểm tra có trách nhiệm xem xét, quyết định việc áp dụng miễn, giảm kiểm tra và thông báo bằng văn bản.</u>”	- Đề nghị quy định rõ các tiêu chí để xác định đối tượng miễn giảm, mức độ miễn giảm và bỏ TTHC về việc cơ sở phải gửi hồ sơ đề nghị xin được miễn giảm kiểm tra đến cơ quan kiểm tra. - Đề nghị nêu rõ quy định này chỉ áp dụng đối với hàng tiêu thụ trong nước	- Miễn giảm kiểm tra nhưng vẫn theo cơ chế xin cho là chưa phù hợp. Dự thảo cần đưa ra các tiêu chí cụ thể để cơ quan quản lý Nhà nước tự xác định đối tượng được miễn giảm, mức độ miễn giảm khi tiến hành kiểm tra, không cần DN phải - Dự thảo chưa loại trừ hàng hóa XK khỏi phạm vi phải kiểm tra chất lượng là trái với quy định tại Điều 45 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa về Kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 20, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, theo đó đã cho phép miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa XK.

Stt	Điều khoản của Dự thảo	Đề xuất sửa đổi	Lý do
21	Điều 88. Kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hoá XK	Đề nghị bổ sung vào đầu Điều 88 một khoản mới: <i>“1. Hàng hóa chỉ dành cho XK phải tuân thủ đầy đủ các quy định của nước NK, không phải tuân thủ các quy định cho hàng hóa lưu thông trong nước; trừ những hàng hóa vừa XK vừa lưu thông trong nước thì phải tuân thủ đầy đủ quy định của cả nước NK và của Việt Nam”</i>	Hàng XK cần tuân theo quy định của nước NK, không phải áp dụng theo quy định cho hàng tiêu thụ trong nước.
22	Điều 89. “Kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường”	Để quản lý chất lượng hiệu quả hơn và cắt giảm được TTHC, chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm, đề nghị áp dụng 3 mức hậu kiểm (chặt, thông thường và giảm) theo 3 mức độ rủi ro (cao, trung bình, thấp) dựa theo 3 yếu tố sau: - Mức độ rủi ro của hàng hóa: mức độ rủi ro càng cao thì tần suất kiểm tra ngẫu nhiên càng cao. - Lịch sử tuân thủ của tổ chức/cá nhân: Tổ chức/cá nhân có lịch sử tuân thủ tốt hoặc ó áp dụng các biện pháp quản lý chất lượng tiên tiến thì được giảm tần suất kiểm tra so với: + Tổ chức, cá nhân mới tham gia sản xuất-kinh doanh dưới một năm kể từ ngày đánh giá; + Tổ chức, cá nhân đã nhiều lần vi phạm về chất lượng; + Tổ chức, cá nhân không áp dụng các biện pháp quản lý chất lượng tiên tiến; - Cảnh báo hoặc dấu hiệu vi phạm: khi có cảnh báo hoặc dấu hiệu vi phạm, cơ quan quản lý phải xác minh hoặc tiến hành kiểm tra trong thời gian gần nhất có thể.	Chưa có quy định cụ thể về hậu kiểm theo nguyên tắc quản lý rủi ro